

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
CỦA TRƯỜNG THCS HẢI TRUNG NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)

I. Đánh giá chung

Nhà trường đã triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đến tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường làm thay đổi nhận thức của toàn đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình với công việc, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm. Trong năm 2025, nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy, tình hình sắp xếp bộ máy của các đơn vị.

- Trường THCS Hải Trung là đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của Pháp luật.

- Chế độ làm việc: Theo giờ hành chính.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 36 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 35 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 1 người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 35 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 34 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 1 người)

Nguyên nhân: Thiếu 1 viên chức so với giao đầu năm chờ tuyển thêm, hiện giờ đang hợp đồng với 02 giáo viên theo kỳ của năm học

c) Về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Năm 2025: Trường THCS Hải Trung hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục thực hiện theo đúng theo các văn bản hướng dẫn của các cấp theo quy định.

- Tình hình chấp hành các chế độ tài chính: thực hiện chấp hành đúng các chế độ tài chính.

+ Chấp hành về thời gian: chấp hành đúng thời gian nộp các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán.

+ Chấp hành quy định về hệ thống mẫu biểu: Đơn vị chấp hành đúng hệ thống biểu mẫu do Bộ tài chính quy định

- Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ: Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ chặt chẽ, đạt tỷ lệ 100%.

- Tình hình quản lý, sử dụng TSCĐ, CCDC: Nhà trường đã mở sổ theo dõi TSCĐ và CCDC theo đúng quy định.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Trường THCS Hải Trung được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu về việc giao quyền tự chủ về biên chế, tài chính giai đoạn 2022-2026 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp, văn hóa TT và thể thao; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a, Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Về nguồn thu, chi thường xuyên giao tự chủ: Theo dự toán NSNN giao.

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục thực hiện theo đúng theo các văn bản hướng dẫn của các cấp theo quy định.

b, Về nguồn thu, chi thường xuyên:

+ Dự toán NSNN:	Dự toán thu:	8.803,026 triệu đồng.
	Số thực hiện:	8.803,026 triệu đồng.
+ Học phí:	Dự toán thu:	277,480 triệu đồng.
	Dư 2024 chuyển sang:	18,354 triệu đồng
	Số thực hiện:	267,182 triệu đồng.
	Dư chuyển sang 2026:	28,652 triệu đồng
+ Học thêm:	Dự toán thu:	182,736 triệu đồng.
	Dư 2024 chuyển sang:	15,679 triệu đồng
	Số thực hiện:	198,415 triệu đồng.
+ Trông xe:	Dự toán thu:	56,905 triệu đồng.
	Dư 2024 chuyển sang:	21,726 triệu đồng
	Số thực hiện:	70,141 triệu đồng.
	Dư chuyển sang 2026:	8,490 triệu đồng

+ Nước uống:	Dự toán thu:	70,440 triệu đồng.
	Dư 2024 chuyển sang:	1,537 triệu đồng
	Số thực hiện:	71,977 triệu đồng.
+ Lãi tiền gửi:	Dự toán thu:	0,323 triệu đồng.
	Dư 2024 chuyển sang:	0,218 triệu đồng
	Số thực hiện:	0,154 triệu đồng.
	Dư chuyển sang 2026:	0,387 triệu đồng

c, Về nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ

+ Dự toán NSNN:	Dự toán thu:	1.053,451 triệu đồng.
	Số thực hiện:	1.053,451 triệu đồng.
+ CSSK BHYT HS:	Dự toán thu:	61,999 triệu đồng.
	Số thực hiện:	50,723 triệu đồng.
	Dư chuyển sang 2026:	11,276 triệu đồng

d) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): 0 triệu đồng.

đ) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: 0 triệu đồng

e) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

- Đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện quy chế chi tiêu tài chính theo đúng quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ.

g) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

+ Không sử dụng điện thoại vào công việc riêng, tắt các thiết bị điện không cần thiết. Tiết kiệm vật tư văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, hạn chế hội nghị, tiếp khách nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Thực hiện tiết kiệm mua sắm, sửa chữa trang thiết bị làm việc. Nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tăng cường thực hiện chủ trương văn bản điện tử qua hộp thư điện tử.

h) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn: Không có.

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên: Không có

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

Trường THCS Hải Trung là đơn vị thuộc nhóm 4, phần kinh phí chi thường xuyên là do Nhà nước đảm bảo 100%. Trong năm đơn vị thực hiện chế độ chi tiêu tài chính theo đúng quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo duy trì các hoạt động thường xuyên tại đơn vị diễn ra bình thường không có kinh phí tiết kiệm.

7. Đề xuất, kiến nghị.

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm để tạo điều kiện hơn nữa cho đơn vị chủ động hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo).

Hải Hậu, ngày 27 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký tên)

Mai Thị Dung

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Lưu Văn Thành

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
NĂM 2025

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	36	35	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	35	34	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	1	1	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng	8251,117	8251,117	BCQT
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng	10563,875	10563,875	
A	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên	Triệu đồng	9448,425	9448,425	
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:	Triệu đồng	295,834	295,834	
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)	Triệu đồng	277,480	277,480	Học phí
	Trong đó: Số dư học phí năm 2024 chuyển sang	Triệu đồng	18,354	18,354	
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)	Triệu đồng	8803,026	8803,026	KP NSNN nguồn 13
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)	Triệu đồng	349,564	349,564	TK 53111, 515
-	Học thêm	Triệu đồng	182,736	182,736	
-	Xe đạp	Triệu đồng	56,905	56,905	
-	Nước uống	Triệu đồng	70,440	70,440	
-	Lãi tiền gửi NH, KBNN	Triệu đồng	0,323	0,323	
-	Trong đó: Số dư năm 2024 chuyển sang	Triệu đồng	39,160	39,160	
	Học thêm		15,679	15,679	
	Xe đạp		21,726	21,726	
	Nước uống		1,537	1,537	
	Lãi tiền gửi NH, KBNN		0,218	0,218	
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
IV	Chi thường xuyên	Triệu đồng	9448,425	9448,425	

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Triệu đồng	8251,117	8251,117	6000+6050+6100 +6300-6105
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Triệu đồng	889,884	852,354	6105+6150+6200 +6250+6400+6500 +6550+6600+6700 +6750+7000
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Triệu đồng	202,227	202,227	6900+6950+7050
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	Triệu đồng	105,197	105,197	TM 7750 + 7799
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
11	Trong đó: Số dư còn chuyển năm 2026	Triệu đồng		37,530	
	Học phí	Triệu đồng		28,652	
	Xe đạp	Triệu đồng		8,490	
	Tiền gửi	Triệu đồng		0,387	
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)				
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)				
	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	Triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng	1115,450	1115,450	
1	Nguồn thu	Triệu đồng	1115,450	1115,450	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)	Triệu đồng	1053,451	1053,451	KP nguồn 12
	Kinh phí sử dụng dịch vụ phần mềm, mua sắm, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất	Triệu đồng	116,070	116,070	
	Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí	Triệu đồng	506,240	506,240	
	Quỹ khen thưởng theo NĐ số 73/2024/NĐ-CP	Triệu đồng	431,141	431,141	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác (Chăm sóc sức khỏe ban đầu BHYT, hoa hồng thu BHYT)	Triệu đồng	61,999	61,999	TK 711

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng	1115,450	1115,450	
-	Kinh phí sử dụng dịch vụ phần mềm, mua sắm, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất	Triệu đồng	116,070	116,070	
-	Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí	Triệu đồng	506,240	506,240	
-	Quỹ khen thưởng theo ND số 73/2024/ND-CP	Triệu đồng	431,141	431,141	
-	Nguồn khác (KPCSSK ban đầu, hoa hồng thu BHYT)	Triệu đồng	61,999	50,723	
	Trong đó (KPCSSK ban đầu, hoa hồng thu BHYT) dự chuyển sang năm 2026	Triệu đồng		11,276	
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

Ghi chú: Số thứ tự Điểm 1.1 A. III (*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký tên)

Mai Thị Dung

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Lưu Văn Thành